

## BÁO CÁO

sơ kết 2,5 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU,  
ngày 02/11/2015 của BCH Đảng bộ huyện về phát triển  
và thâm canh cây chè chất lượng cao, giai đoạn 2015-2020

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

#### 1. Thuận lợi

Trong quá trình tổ chức thực hiện, huyện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện; sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền cơ sở và sự đồng thuận, nỗ lực của Nhân dân đã đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả thực hiện.

Huyện có điều kiện tự nhiên (địa hình, thời tiết, đất đai...) phù hợp cho phát triển cây chè; được tỉnh định hướng, xác định phát triển cây chè thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn, chất lượng cao, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Doanh nghiệp, hợp tác xã phối hợp chặt chẽ liên doanh, liên kết với người dân đầu tư thâm canh, trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến và bao tiêu sản phẩm chè. Khoa học công nghệ, dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông nghiệp từng bước phát triển, thuận lợi cho việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

Nguồn lao động dồi dào, một bộ phận nhân dân đã có nhận thức, kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc, thu hái và chế biến chè; đội ngũ cán bộ chuyên môn có trình độ, năng lực, kinh nghiệm công tác đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

#### 2. Khó khăn

Thời tiết khí hậu, thiên tai có thời điểm diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và quá trình sinh trưởng cây chè; trình độ dân trí, canh tác không đồng đều giữa các vùng, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo giảm nhưng chưa bền vững, đời sống của một bộ phận Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là hạ tầng về giao thông nội đồng đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Một bộ phận nhân dân còn trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động trong việc đầu tư thâm canh, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành làm tốt công tác tuyên truyền nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện; đồng thời cụ thể hóa Nghị quyết đề tổ chức thực hiện, kết quả: HĐND huyện đã ban hành 01 nghị quyết; UBND huyện ban hành 01 đề án, 03 quyết định và 03 kế hoạch để chỉ đạo thực hiện việc phát triển và thâm canh cây chè chất lượng cao, giai đoạn 2015-2020; lồng ghép các chương trình, dự án tổ chức tập huấn, hội nghị chuyên gia khoa học kỹ thuật cho Nhân dân. Chỉ đạo đảng ủy các xã vùng dự án ban hành nghị về phát triển và thâm canh cây chè chất lượng cao. Kiện toàn Ban Chỉ đạo trồng chè cấp huyện, cấp xã, phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban Chỉ đạo, cán bộ chỉ đạo kỹ thuật phụ trách xã, bản.

Thường xuyên chỉ đạo các cấp ủy cơ sở, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội các cấp bám sát các nội dung của nghị quyết tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng thời nghiêm túc kiểm tra, rà soát và khắc phục kịp thời những tồn tại, yếu kém trong tổ chức thực hiện, trong đó HĐND huyện thực hiện 01 cuộc giám sát chuyên đề về phát triển và thâm canh cây chè.

### **2. Công tác tuyên truyền**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và các chủ trương, chính sách của trung ương, của tỉnh và vị trí, vai trò, giá trị kinh tế trong việc phát triển và thâm canh cây chè tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân vùng quy hoạch phát triển và thâm canh cây chè bằng nhiều hình thức như: mở hội nghị quán triệt, học tập, triển khai thực hiện nghị quyết; quán triệt lồng ghép trong các hội nghị tuyên truyền các nghị quyết, chương trình, đề án của Trung ương, tỉnh, huyện; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng. Kết quả, toàn huyện đã tổ chức 237 hội nghị tuyên truyền, quán triệt đến 100% các cơ quan, đơn vị, các xã vùng quy hoạch phát triển và thâm canh cây chè với tổng số 20.465 lượt người tham gia (đảng viên 2.205 lượt người; cán bộ, công nhân viên chức 1.306 lượt người; nhân dân các bản với 16.954 lượt người).

Thông qua tuyên truyền, quán triệt, học tập nghị quyết, cán bộ, đảng viên và Nhân dân vùng quy hoạch phát triển và thâm canh cây chè cơ bản nắm rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của nghị quyết; nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo được sự thống nhất cao của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân trong việc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

### **3. Kết quả thực hiện**

#### **3.1. Phát triển sản xuất**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các ngành, cấp ủy, chính quyền cơ sở chủ động trong việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xác định rõ vùng quy hoạch,

quản lý, tổ chức thực hiện tốt quy hoạch vùng chè chất lượng cao<sup>1</sup>; tăng cường các biện pháp đảm bảo các điều kiện cho phát triển sản xuất; hàng năm khảo sát, định hướng phát triển sản xuất theo hướng tập trung liền vùng, liền khoảnh gắn với cơ sở thu mua chế biến, tổng hợp nhu cầu của Nhân dân, xây dựng kế hoạch, dự toán và bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí để thực hiện.

- *Trồng mới*: Trồng mới 179,8 ha, đạt 59,9% nghị quyết<sup>2</sup>; cơ cấu giống: chè Kim tuyên 155,2 ha, chè PH8 24,6 ha. Các diện tích chè trồng mới được thực hiện theo quy trình kỹ thuật từ khâu làm đất, chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định, sau trồng cây chè sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống đạt trên 87%; đồng thời chuyển giao được tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao trình độ canh tác cho người dân, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu cây trồng tại các xã trong vùng dự án.

- *Thâm canh diện tích chè hiện có*: Chỉ đạo quản lý thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư thâm canh cây chè; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Nhân dân trồng chè, chăm sóc, bảo vệ, phòng trừ sâu bệnh đảm bảo theo quy trình kỹ thuật. Đến nay, toàn huyện hiện có 1.296,96 ha, trong đó: diện tích chè kiến thiết cơ bản 393,96 ha; diện tích kinh doanh 903 ha, đạt 83,4% nghị quyết; năng suất chè búp tươi bình quân 56,9/ha, đạt 87,5% nghị quyết; sản lượng 5.139 tấn, đạt 73% nghị quyết, tăng 1.203 tấn so năm 2015.

### 3.2. Phát triển cơ sở hạ tầng

Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn vùng chè; quản lý, thực hiện tốt lồng ghép các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, huy động người dân đóng góp công lao động, hiến đất; đầu tư mở mới đường giao thông nội đồng vào khu sản xuất vùng chè 9,15 km<sup>3</sup>, kinh phí 4,57 tỷ đồng, bằng nguồn ngân sách tỉnh; việc phát triển hạ tầng vùng chè đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, vận chuyển cây giống, vật tư phân bón, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, nâng cao năng xuất lao động và hiệu quả sản xuất.

### 3.3. Công tác thu mua, chế biến chè búp tươi

Tăng cường công tác quản lý, thực hiện tốt việc phân vùng nguyên liệu chè và liên kết sản xuất giữa người dân với tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh<sup>4</sup>. Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư thâm canh vào vùng chè<sup>5</sup>; mở rộng nâng tổng diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn Rainforest Alliance (viết tắt RA) 74,03 ha (chè

<sup>1</sup> Đã rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch vùng chè 353 ha, tại các xã Bản Bo 223 ha, Nà Tâm 80 ha, Sơn Bình 50 ha.

<sup>2</sup> Năm 2016: 110 ha; năm 2017: 69,8 ha. Nhà nước đã hỗ trợ 3.596.000 cây giống chè; 574 tấn phân vi sinh hữu cơ, 39 tấn phân lân và 69,8 ha hỗ trợ ban đầu, làm đất; tổng kinh phí đã hỗ trợ 9.983,5 triệu đồng, trong đó: hỗ trợ chè trồng mới 9.155,31 triệu đồng; hỗ trợ giống trồng dặm 284,39 triệu đồng; hỗ trợ trồng xen cây họ đậu 176 triệu đồng; hỗ trợ trồng cây mắc 367,8 triệu đồng.

<sup>3</sup> Xã Bản Bo 5,45 km, xã Nà Tâm 3,7 km.

<sup>4</sup> Việc ký kết hợp đồng, hợp tác đến nay đã thực hiện được 995,3 ha, với 1.605 hộ tham gia, tăng 208,3 ha, 261 hộ so năm 2015.

<sup>5</sup> Công ty cổ phần đầu tư chè Tam Đường ứng 327 tấn phân các loại và hỗ trợ 30.537 gói và 8.387 lọ thuốc BVTV cho người trồng chè, tổ chức 80 lớp tập huấn.

hữu cơ 54 ha, chè VietGAP 30,7 ha); đổi mới dây chuyền trang thiết bị theo hướng sử dụng công nghệ cao<sup>6</sup>; tăng cường công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm chè, thiết kế mẫu mã sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Đã xây dựng và được cấp có thẩm quyền công nhận nhãn hiệu chè Tam Đường, giúp người trồng chè yên tâm sản xuất.

### **3.4. Lao động việc làm, thu nhập**

Toàn huyện hiện có 11.825 hộ, trong đó có 2.015 hộ lao động làm chè, tăng 765 hộ lao động so với năm 2015; tổng giá trị sản xuất chè đã qua chế biến đạt trên 55,7 tỷ đồng/năm, trong đó giá trị xuất khẩu đạt 31,5 tỷ đồng/năm; thu nhập bình quân từ chè ước đạt 27,7 triệu đồng/hộ/năm, có hộ cho thu nhập trên 100 triệu đồng/hộ/năm<sup>7</sup>, tạo nguồn thu nhập chính của nhiều hộ gia đình để góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết; tuyên truyền sâu, rộng đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân vùng quy hoạch phát triển và thâm canh cây chè; huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết; có nhiều chỉ tiêu đạt cao so với nghị quyết<sup>8</sup>.

Thực hiện tốt việc quản lý, lồng ghép các nguồn vốn để phát triển và thâm canh cây chè đảm bảo tiến độ, đúng quy trình kỹ thuật; tích cực chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao hệ số sử dụng đất, trình độ canh tác. Đã thu hút được doanh nghiệp tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất; xây dựng, đổi mới thiết bị và công nghệ chế biến chè. Quản lý thực hiện tốt việc liên kết sản xuất giữa người dân với doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến chè thông qua hợp đồng, hợp tác kinh doanh.

Cơ sở hạ tầng giao thông đường nội đồng vào vùng chè được đầu tư xây dựng kịp thời, tạo điều kiện cho nhân dân đi lại, sản xuất, nâng cao năng xuất lao động; đã, đang phát triển vùng sản xuất tập trung, gắn với nhà máy chế biến và tiêu thụ sản phẩm; góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, người trồng chè có thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

### **2. Tồn tại**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng ở cơ sở có lúc, có nơi chưa thực sự quyết liệt trong việc chỉ đạo trồng, chăm sóc và thâm canh phát triển cây chè.

<sup>6</sup> Trên địa bàn huyện hiện có 01 doanh nghiệp, 01 hợp tác xã và 07 cơ sở chế biến chè tại hộ gia đình; thị trường xuất khẩu chè chủ yếu ở Đài Loan, Trung Quốc, Trung Đông và Châu Âu.

<sup>7</sup> Điển hình tại một số hộ xã Bản Bo như Giàng A Páo, Háng A Sào bản Cốc Phát; Chảo A Lai, Phán A Láy bản Năm Tàng; Nguyễn Văn Dũng bản Hưng Phong.

<sup>8</sup> Trồng mới đạt 59,9% nghị quyết; tổng diện tích chè kinh doanh đạt 83,4% nghị quyết; năng suất chè búp tươi đạt 87,5% nghị quyết; sản lượng đạt 73% nghị quyết.

Hiệu quả trong công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò, giá trị kinh tế của cây chè có mặt chưa cao; công tác chỉ đạo, hướng dẫn cho người dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây chè có mặt còn hạn chế, một số diện tích chè sau trồng sinh trưởng, phát triển chậm.

Thực hiện mục tiêu nghị quyết có nội dung còn hạn chế như: xây dựng mô hình sản xuất chè có hệ thống tưới; nội dung, phương thức hoạt động khuyến nông, tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất cho nông dân đầu tư, thâm canh, trồng chăm sóc, thu hái và sản xuất chè theo hướng an toàn, chè sạch.

Đầu tư thâm canh cây chè còn hạn chế, năng suất, sản lượng còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng, giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm chè chưa cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm chè của huyện chủ yếu nội địa và xuất bán tại các nước đang phát triển, chưa đưa vào các thị trường có giá trị kinh tế cao.

Thực hiện liên doanh, liên kết giữa người dân với tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến chè có mặt còn hạn chế; vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý thực hiện phân vùng nguyên liệu, liên doanh liên kết có thời điểm chưa được sâu sát; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chế biến chưa rộng rãi.

### **3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

Thời tiết diễn biến phức tạp, khô hạn, rét đậm, rét hại kéo dài gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và sự sinh trưởng phát triển của cây chè. Công tác tuyên truyền, vận động ở một số nơi chưa sâu, rộng; sự phối kết hợp của một số thành viên trong Ban chỉ đạo xã còn thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Chưa phân bổ kinh phí thực hiện một số nội dung của đề án như xây dựng mô hình sản xuất chè có hệ thống tưới.

Một bộ phận Nhân dân còn nặng phong tục tập quán sản xuất cũ, tư tưởng trông chờ vào Nhà nước, việc đầu tư thâm canh, chăm sóc, bảo vệ cây chè chưa được quan tâm dẫn đến một số diện tích chè kinh doanh cho năng suất thấp, diện tích sau trồng sinh trưởng phát triển kém.

Công tác chuyển giao và ứng dụng khoa học kỹ thuật có mặt còn hạn chế; việc thực hiện công tác quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, chuyển đổi diện tích đất đồi, đất rừng hiệu quả thấp để đầu tư trồng chè mới còn khó khăn.

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền cho các tổ chức, doanh nghiệp, Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01-NQ/HU, ngày 02/11/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; vị trí, vai trò, giá trị kinh tế của cây chè; các chủ trương, chính sách đầu tư của Nhà nước, từng bước chuyển đổi nhận thức của người dân chủ động trong việc đầu tư phát triển và thâm canh cây chè. Lãnh đạo thực hiện hoàn thành và vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 01-NQ/HU đã đề ra.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở; phát huy vai trò của Ban chỉ đạo trồng chè huyện và các tổ chức có liên quan chủ động phối hợp, tham mưu, đề xuất kịp thời các giải pháp để thực hiện tốt nội dung phát triển cây chè; tiếp tục thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước trong việc quản lý, thực hiện phân vùng chè và sự liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với người dân thông qua hợp đồng liên doanh, kiên kết.

3. Trên cơ sở quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã, tiếp tục rà soát lại, điều chỉnh, bổ sung các vùng có khả năng phát triển mở rộng diện tích chè trồng mới; phù hợp với thực tiễn sản xuất, khai thác hiệu quả, tiềm năng của địa phương nhằm phát triển vùng chè tập trung, liền vùng, liền khoảnh gắn với cơ sở thu mua chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

4. Tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến chè. Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp về kỹ thuật như thâm canh, trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế biến chè đảm bảo an toàn thực phẩm và hoạt động khuyến nông, khuyến lâm. Ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất cho người dân, từng bước mở rộng diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn Viet Gap, Rainforest Alliance vùng sản xuất chè hữu cơ.

5. Tiếp tục thực hiện tốt nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án của các tổ chức, huy động trong Nhân dân, vốn vay ngân hàng, vốn của doanh nghiệp và lồng ghép các nguồn vốn khác để phát triển và thâm canh cây chè, làm đường sản xuất, xây dựng mô hình sản xuất chè có hệ thống tưới, đổi mới công nghệ, quảng bá sản phẩm, tham gia hội chợ, bồi dưỡng tập huấn cho nhân dân tham gia sản xuất chè chất lượng cao.

6. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình thực hiện; đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

## V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh bố trí nguồn vốn thực hiện mô hình sản xuất chè có hệ thống tưới nhằm khai thác tốt tiềm năng thế mạnh của địa phương, phát triển vùng chè tập trung đạt hiệu quả cao. / *gd*

### Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c),
- Đ/c Lê Văn Lương - UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu.



Sùng Lữ Páo